

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam  
To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange  
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ ETF name:	Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol:	<b>FUEKIVFS</b>
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Fund Management company:	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank:	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date:	<b>19/06/2023</b>
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit:	1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	4,300	9.44%
2	AGR	100	0.13%
3	BID	300	1.32%
4	BMI	100	0.24%
5	BSI	100	0.32%
6	BVH	100	0.44%
7	CTG	900	2.58%
8	CTS	100	0.19%
9	EIB	1,700	3.56%
10	EVF	400	0.38%
11	FTS	100	0.29%
12	HCM	300	0.81%
13	HDB	2,300	4.31%
14	LPB	1,900	2.82%
15	MBB	3,200	6.35%
16	MIG	100	0.18%
17	MSB	2,200	2.86%
18	OCB	1,000	1.86%
19	ORS	200	0.30%
20	SHB	3,200	4.06%
21	SSB	2,000	6.33%
22	SSI	1,400	3.68%
23	STB	2,300	6.71%
24	TCB	3,000	9.83%
25	TPB	1,700	3.11%
26	VCB	700	7.40%
27	VCI	400	1.41%
28	VDS	100	0.13%
29	VIB	1,400	3.26%
30	VIX	900	0.99%
31	VND	1,200	2.34%
32	VPB	6,000	11.81%
<b>II. Tiền/ Cash</b>			
	Tiền/ Cash (VND)	5,431,811	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value  
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)  
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND)  
- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND)

987,955,000  
993,386,811  
5,431,811

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*  
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại  
*Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	21,800	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	43,700	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BSI	32,050	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
4	BVH	44,050	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
5	HDB	18,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MBB	19,700	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MSB	12,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	OCB	18,450	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	TCB	32,550	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	TPB	18,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
11	VCB	105,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
12	VCI	35,100	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
13	VIB	23,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chi tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	19/06/2023	16/06/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued	50		50
2. Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	12,700,000	7,700,000	5,000,000
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	9,890.00	9,910.00	(20)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	76,490,784,471	76,124,022,012	366,762,459
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	993,386,811	988,623,662	4,763,149
của 1 CCQ/ per Share	9,933.86	9,886.23	47.63
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,738.67	1,748.97	(10.30)

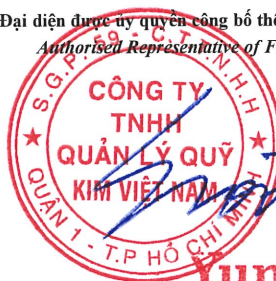
(\*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 18/06/2023

/ Item 5 is net asset value at 18/06/2023

(\*\*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 15/06/2023

/ Item 5 is net asset value at 15/06/2023

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
Authorised Representative of Fund Management Company



**Yun Hang Jin**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

